

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/5/2022

Về việc Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mai Ka

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông Lê Minh Toàn

**Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phan Trung H**, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 27A/3 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 27A/3 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2022 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phan Trung H trình bày:

Qua quen biết anh và chị Nguyễn Thanh T đã tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo giấy Chứng nhận kết hôn số 97, ngày 04/12/2019.

Sau khi cưới vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, khoảng cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T không quan tâm chăm sóc gia đình, anh H và chị T thường xuyên cự cãi vì những mâu thuẫn trong cuộc sống, trong sinh hoạt thường ngày, đôi bên không tìm được tiếng nói chung. Do mưu sinh nên anh và chị T phải đi làm ăn xa, thuê nhà ở trọ, khi cãi nhau chị T thường dọn ra khỏi nhà, anh phải năn nỉ nhiều lần chị T mới chịu quay về. Đến khoảng tháng 9/2021 sau khi cãi nhau thì chị T tiếp tục dọn ra khỏi nhà trọ và không quay về nữa. Do tình hình dịch bệnh không làm ăn được nên anh H phải về quê sinh sống, anh H có khuyên chị T về ở chung với anh nhưng chị T không đồng ý vì chị không còn tình cảm với anh H nữa.

Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thanh T vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Ngày 29/4/2022 nguyên đơn anh Phan Trung H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vẫn bảo lưu ý kiến theo Đơn khởi kiện ngày 13/01/2022 và tại các Biên bản hòa giải ở Tòa án.

Bị đơn chị Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/4/2022 nguyên đơn anh Phan Trung H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Trung H và chị Nguyễn Thanh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 97, ngày 04/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của anh H: Anh H trình bày trong thời gian chung sống anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị T không chăm lo cuộc sống gia đình, khi vợ chồng cãi nhau chị thường xuyên bỏ nhà đi, thực tế chị T đã bỏ nhà đi rất nhiều lần nhưng anh H vẫn cố hàn gắn với chị T vì lúc đó anh H vẫn còn tình cảm với chị. Từ năm 2021 đến nay do tình hình dịch bệnh nên anh H đã về nhà sinh sống, anh đã nhiều lần khuyên chị T về cùng với anh để xây dựng gia đình nhưng chị T không đồng ý, từ đó đến nay anh cũng không liên lạc được với chị T.

Xét thấy chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng chị T vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử, điều này thể hiện chị T không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Anh H và chị T đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong quá trình ly thân chị T và anh H đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân. Anh H xác định không còn tình cảm với chị T, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên việc anh H yêu cầu ly hôn với chị T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị T.

[4] Về con chung: Anh H và chị T không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Phan Trung H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Trung H.

1. Về hôn nhân: Anh Phan Trung H được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.
2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Trung H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phan Trung H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003541 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh H đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã B: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Mai Ka**